

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Quyền được bảo vệ khỏi sự xâm hại tình dục (XPTD) là một trong các quyền cơ bản của con người được Tuyên ngôn Thế giới về quyền con người ghi nhận và được cụ thể hóa trong hệ thống pháp luật của các nước trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.

Trong quá trình hội nhập quốc tế, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, đời sống người dân được nâng cao, tình hình tội phạm diễn biến ngày càng phức tạp, gây mất trật tự trị an ở các địa phương, một trong số đó là các tội XPTD. Chúng không còn là hiện tượng mang tính chất điểm nóng tại một vài địa phương, đô thị có nhịp độ phát triển kinh tế cao mà đã phổ biến trên nhiều tỉnh, thành trong cả nước. Điều đáng lo ngại, trong những năm gần đây, các tội phạm này ngày càng gia tăng về số lượng và tính vi, xảo quyệt trong hành vi. Đặc biệt, độ tuổi nạn nhân của nhóm tội phạm hướng tới ngày càng thấp, nguy hiểm hơn, phần lớn người phạm tội là người quen biết với nạn nhân và gia đình nạn nhân. Chính những điều này đã gây mất trật tự trị an, ảnh hưởng xấu đến thuần phong mỹ tục, là biểu hiện nghiêm trọng của sự suy đồi đạo đức, làm nhụt nhối xã hội, gây hoang mang lo lắng trong nhân dân và là mối lo cho toàn xã hội.

Để đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và các tội XPTD nói riêng, nhà nước cần tiến hành đồng bộ các biện pháp khác nhau, trong đó biện pháp hình sự đóng vai trò vô cùng quan trọng. Bộ luật hình sự (BLHS) năm 1999 quy định về các tội XPTD đã góp phần quan trọng vào đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này. Tuy nhiên, trước yêu cầu của chiến lược cải cách tư pháp và xu thế hội nhập quốc tế cùng với sự phát triển như vũ bão của công nghệ thông tin, BLHS năm 1999 bộc lộ nhiều bất cập, hạn chế, không đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, gây ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng áp dụng hình phạt trên thực tế. Cụ thể:

Thứ nhất, quy định của BLHS năm 1999 về các tội XPTD chưa đầy đủ, chặt chẽ, rõ ràng, đảm bảo tính thống nhất trong cách hiểu, áp dụng và tương quan với các luật liên quan. Ví dụ như, tên tội danh: tội hiếp dâm trẻ em, tội cưỡng dâm trẻ em, tội giao cấu với trẻ em, tội dâm ô đối với trẻ em đã không còn phù hợp, do quan niệm về trẻ em đã thay đổi và được cụ thể hóa trong Luật trẻ em năm 2016; quy định về hành vi khách quan của các tội này lạc hậu, chưa toàn diện, khái quát được các dạng hành vi phạm tội đang diễn ra trong thực tế; vấn đề chủ thể tội phạm còn nhiều ý kiến trái chiều, chưa thống nhất; phân hóa trách nhiệm hình sự (TNHS) và hình phạt còn chưa chặt

chẽ, gây vướng mắc, khó khăn khi áp dụng, dẫn đến hiện tượng oan, sai trong xét xử.

Thứ hai, mặc dù tính chất nguy hiểm của những hành vi XHTD (6 tội) đã được quy định trong BLHS năm 1999 rất cao nhưng quy định TNHS và hình phạt lại chưa tương xứng, chưa đủ sức răn đe, tạo hiệu quả cao trong công tác phòng, ngừa các tội này. Thậm chí, có tội khung hình phạt quy định quá nhẹ chưa tương xứng với tính chất phạm tội như tội hiếp dâm, tội dâm ô với trẻ em. Mức độ phân hóa TNHS của các tội XPTD cũng chưa sâu sắc. Do đó, hiện tượng người phạm tội khinh nhờn, coi thường pháp luật, tái phạm, thậm chí tái phạm nguy hiểm hành vi phạm tội xảy ra khá nhiều.

Thứ ba, các quy định của BLHS năm 1999 về các vấn đề liên quan đến tội phạm như chế định đồng phạm, các giai đoạn thực hiện tội phạm ở các tội XPTD chưa rõ ràng.

Thứ tư, BLHS năm 1999 đã quy định 6 tội XHTD là: tội hiếp dâm, tội hiếp dâm trẻ em, tội cưỡng dâm, tội cưỡng dâm trẻ em, tội giao cấu với trẻ em và tội dâm ô đối với trẻ em. Tuy nhiên, hiện nay trên thực tế đã xuất hiện nhiều hành vi XHTD rất nguy hiểm nhưng lại chưa được hình sự hóa như hành vi quấy rối tình dục hay hành vi cưỡng bức một người để mang tình dục đi “hối lộ”. Điều này dẫn đến hiện tượng tạo lỗ hổng trong quy định pháp luật làm bỏ lọt tội phạm về nhóm tội này.

Thứ năm, nghiên cứu thực tiễn xét xử các tội XPTD cho thấy, còn không ít trường hợp định tội danh chưa chính xác dẫn đến việc áp dụng TNHS, hình phạt chưa tương xứng, mức độ hình phạt quá nặng hoặc quá nhẹ so với tính nguy hiểm của hành vi phạm tội, làm giảm hiệu quả của công tác đấu tranh phòng và chống loại tội phạm này nói riêng cũng như các tội phạm nói chung.

Thứ sáu, BLHS năm 2015 đã được thông qua tuy có sửa đổi, bổ sung, khắc phục phần nào một số quy định về các tội XPTD nhưng vẫn chưa giải quyết triệt để những hạn chế nêu trên.

Bên cạnh đó, dưới góc độ nghiên cứu, các tội XPTD là một đề tài có nội dung phong phú và phức tạp nên được nhiều nhà nghiên cứu khoa học quan tâm. Thời gian qua, ở các mức độ khác nhau đã có một số công trình khoa học đề cập trực tiếp hoặc gián tiếp đến đề tài này hoặc xem xét nó trong tương quan là một phần, mục trong các giáo trình, sách chuyên khảo, bình luận hoặc đề cập chung khi nghiên cứu vấn đề định tội danh, quyết định hình phạt nói chung, hay dưới góc độ tội phạm học - phòng ngừa tội phạm đối với nhóm tội phạm này; v.v. Tuy nhiên, chưa có một công trình nào tập trung đi sâu, nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn áp

dụng các quy định về các tội XPTD trong Luật hình sự Việt Nam; cũng như phân tích thực tiễn xét xử các tội phạm này trong giai đoạn 10 năm (2006-2015) đồng thời đề xuất các kiến nghị, giải pháp tiếp tục hoàn thiện quy định về nhóm tội phạm này trong thời gian tới.

Do đó, để đáp ứng cách tiếp cận quyền con người trong Hiến pháp và thực tiễn quy định, xét xử, nghiên cứu, diễn biến thực trạng các tội XPTD, việc nghiên cứu một cách có hệ thống về mặt lý luận trên cơ sở tổng kết thực tiễn xét xử cũng chính là để góp phần làm sáng tỏ những quy định của PLHS Việt Nam về các tội phạm này; góp phần hoàn thiện lý luận, khắc phục những quy định bất cập, đưa ra những kiến nghị khả thi, tiến tới xây dựng một hệ thống các chính sách hình sự và giải pháp nhất quán trong pháp luật, trong nhận thức về các tội XPTD ở nước ta hiện nay là hết sức cần thiết. Với nhận thức như trên, NCS đã chọn đề tài "**Các tội xâm phạm tình dục trong luật hình sự Việt Nam**" làm luận án tiến sĩ luật học của mình.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của luận án làm sáng tỏ, sâu sắc và có hệ thống những vấn đề lý luận, thực tiễn về các tội XPTD, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật, các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định pháp luật hình sự (PLHS) về các tội XPTD trong quá trình giải quyết vụ án, góp phần nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống nhóm tội phạm này, bảo đảm quyền con người, bảo đảm sự ổn định, trật tự an toàn xã hội.

2.2. Nhiệm vụ của luận án

Để thực hiện mục đích nêu trên, luận án đặt ra các nhiệm vụ nghiên cứu sau:

1) Đánh giá tổng quan tình hình các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài của luận án ở trong và ngoài nước, nhận xét và chỉ ra ra những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu của luận án.

2) Xây dựng khái niệm khoa học về các tội XPTD và làm rõ đặc điểm, cơ sở, căn cứ quy định các tội XPTD trong luật hình sự Việt Nam.

3) Hệ thống hóa và khái quát lịch sử hình thành, phát triển của PLHS Việt Nam về các tội XPTD từ thời phong kiến đến nay, trên cơ sở đó đưa ra những nhận xét, so sánh và đánh giá.

4) Nghiên cứu, phân tích, so sánh quy định về các tội XPTD theo PLHS một số nước trên thế giới và rút ra những so sánh, nhận xét.

5) Phân tích các quy định của BLHS năm 1999 về các tội XPTD, làm rõ các yếu tố cấu thành tội phạm (CTTP) của các tội này, trên cơ sở đó so sánh và chỉ ra những bất cập về mặt lập pháp hình sự.

6) Phân tích thực tiễn xét xử về các tội XPTD ở nước ta trong giai đoạn 10 năm (2006 -2015), đồng thời chỉ ra những tồn tại, hạn chế về pháp luật cũng như về thực tiễn áp dụng pháp luật và chỉ ra nguyên nhân cần khắc phục.

7) Đề xuất, kiến nghị việc tiếp tục sửa đổi, bổ sung quy định của BLHS năm 2015 về các tội XPTD và các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định này trong thực tiễn.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án bao gồm những vấn đề lý luận về các tội XPTD; quy định của PLHS về các tội XPTD của Việt Nam; quy định của PLHS thực định và thực tiễn áp dụng các tội phạm này tại Việt Nam.

b) Phạm vi nghiên cứu

Trong luận án này, các tội XPTD trong luật hình sự Việt Nam được hiểu là các hành vi xâm phạm quyền tự do tình dục của con người. Vì vậy, với mục đích nghiên cứu như trên, luận án không nghiên cứu tất cả các tội phạm về tình dục mà chỉ giới hạn phạm vi nghiên cứu ở sáu điều luật được quy định trong BLHS năm 1999 là các Điều: 111, 112, 113, 114, 115, 116 và thực tiễn xét xử sáu tội danh tương ứng từ năm 2006 đến năm 2015, trên phạm vi cả nước.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của luận án

4.1. Phương pháp luận của luận án

Phương pháp luận để nghiên cứu luận án là phép duy vật biện chứng và phép duy vật lịch sử.

Cơ sở lý luận của luận án là học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm của Đảng về đấu tranh phòng chống tội phạm trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền tại Việt Nam.

Cơ sở thực tiễn của luận án là những bản án, quyết định của tòa án về các tội XPTD; những số liệu thống kê, báo cáo tổng kết của TANDTC và địa phương về các tội phạm này.

4.2. Phương pháp nghiên cứu của luận án

Luận án sử dụng một số phương pháp nghiên cứu làm sáng tỏ các tri thức khoa học luật hình sự và luận chứng các vấn đề tương ứng được nghiên cứu như: Phương pháp phân tích; Phương pháp lịch sử; Phương pháp tổng hợp; Phương pháp thống kê, khảo sát án điển hình; Phương pháp so sánh luật học.

5. Những đóng góp mới của luận án

Luận án nghiên cứu toàn diện, có hệ thống những vấn đề lý luận và thực tiễn về các tội XPTD trong luật hình sự Việt Nam. Luận án phân tích các quy định pháp luật, các luận điểm khoa học để từ đó thống nhất quan điểm khoa học liên quan đến các tội XPTD như khái niệm các tội XPTD; khái niệm giao cấu, hành vi quan hệ tình dục khác; chủ thể các tội XPTD, đối tượng tác động của các tội này...

Phân tích, so sánh, đối chiếu quy định của PLHS Việt Nam về các tội XPTD với quy định pháp luật một số nước trên thế giới tiêu biểu cho các hệ thống pháp luật; nghiên cứu các tội XPTD ở Việt Nam từ thời phong kiến đến nay một cách có hệ thống, có sự gắn kết các qui định này với điều kiện lịch sử cụ thể của từng giai đoạn, từ đó đánh giá về những thành tựu cũng như những hạn chế của các quy định đó, luận giải về thành tựu có thể kế thừa và những bài học cần rút kinh nghiệm.

Qua việc phân tích quy định PLHS hiện hành, đánh giá thực tiễn xét xử, áp dụng các tội XPTD, luận án chỉ ra những hạn chế, bất cập và nguyên nhân những hạn chế, bất cập này, trên cơ sở đó đề xuất kiến nghị tiếp tục hoàn thiện BLHS năm 1999 và đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định của PLHS về nhóm tội phạm này.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

Những kết quả nghiên cứu của luận án có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc:

6.1. Ý nghĩa lý luận

Thông qua kết quả nghiên cứu, luận án sẽ góp phần bổ sung thêm những kiến thức lý luận vào hệ thống tri thức về tội phạm nói chung và các tội XPTD nói riêng.

6.2. Về thực tiễn

Thông qua việc đánh giá khách quan, trung thực quy định của PLHS về các tội XPTD và thực tiễn xét xử các tội phạm này trên địa bàn cả nước từ năm 2006 – 2015 (10 năm), kết quả của luận án góp phần phục vụ cho thực tiễn xét giải quyết đúng đắn các vụ án về các XPTD, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, góp phần đấu tranh phòng chống hiệu quả các tội phạm này.

Một số kiến nghị tiếp tục hoàn thiện pháp luật và những giải pháp còn là tài liệu tham khảo hữu ích cho nhà làm luật trong quá trình tiếp tục hoàn thiện BLHS năm 2015, cũng như nâng cao hiệu quả áp dụng trong thực tiễn thi hành.

Ngoài ra, luận án sẽ có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho công tác nghiên cứu, giảng dạy về khoa học pháp lý nói chung, khoa

học luật hình sự, tội phạm học nói riêng và cho các cán bộ thực tiễn đang làm công tác tại các cơ quan bảo vệ pháp luật trong quá trình xử lý các tội XPTD.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục, luận án gồm 4 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

Chương 2: Những vấn đề lý luận về các tội xâm phạm tình dục trong luật hình sự Việt Nam.

Chương 3: Các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về các tội xâm phạm tình dục và thực tiễn xét xử.

Chương 4: Định hướng tiếp tục hoàn thiện quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 về các tội xâm phạm tình dục và những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng.

Chương 1

TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

(Từ trang 9 đến trang 33)

Việc tổng hợp, đánh giá tình hình, tham chiếu kết quả của những nghiên cứu trong và ngoài nước chính là một trong các cơ sở quan trọng để kiến tạo nền tảng lý luận, định hướng nghiên cứu và làm căn cứ đề xuất những kiến nghị hữu ích của luận án tiền sử về các tội xâm phạm tình dục trong luật hình sự Việt Nam.

1.1. Tình hình nghiên cứu trong nước

Các tội xâm phạm tình dục xuất hiện rất sớm và nhận được quan tâm, nghiên cứu khá rộng rãi trên nhiều khía cạnh, dưới các góc độ khác nhau. Những công trình nghiên cứu này đã định hình, đặt nền móng cho khoa học pháp lý hình sự Việt Nam về nhóm tội XPTD. Bởi vậy, các công trình sau này đều có sự kế thừa, bình luận, đánh giá hoặc phê phán kết quả nghiên cứu của những công trình trên. Tính đến nay, việc nghiên cứu về nhóm các tội XPTD có hàng trăm công trình nghiên cứu đã được công bố, phong phú, đa dạng trong cách khai thác dưới những phương diện, góc nhìn khác nhau. Như, xã hội học, tội phạm học và luật hình sự. Dù tiếp cận dưới góc độ nào thì các công trình trên cũng có ý nghĩa nhất định để NCS tham khảo, tiếp thu có chọn lọc vào việc nghiên cứu và hoàn thiện luận án của mình.

1.2. Tình hình nghiên cứu ngoài nước

Các tội XPTD là một vấn đề nhạy cảm, dễ gây bức xúc đối với nhân dân và được các nhà nghiên cứu xã hội cũng như nghiên cứu PLHS trên thế giới quan tâm. Vì vậy, có rất nhiều công trình khoa học nghiên cứu về các tội XPTD. Qua quá trình nghiên cứu các công trình này, NCS nhận thấy: dù tiếp cận dưới góc độ xã hội học, tội phạm học hay luật hình sự thì các tác giả đã giải quyết, phản ánh những vấn đề liên quan trực tiếp hoặc phát sinh đến các tội XPTD, đạt được những thành tựu nhất định về cả lý luận cũng như thực tiễn đối với các tội XPTD. Kết quả nghiên cứu của các công trình này được NCS tham khảo và vận dụng một cách hợp lý trong quá trình triển khai đề tài của mình.

1.3. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu

Từ việc đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến các tội XPTD, luận án xác định những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu sau đây:

Một là, trên cơ sở lý luận và kết quả nghiên cứu về các tội XPTD của các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, luận án sẽ làm rõ cơ sở lý luận về các tội XPTD trong luật hình sự Việt Nam như: khái niệm, cơ sở, căn cứ quy định ... của các tội XPTD, từ đó xây dựng khái niệm khoa học về nhóm tội này.

Hai là, phân tích quy định pháp luật của một số nước trên thế giới đại diện cho các truyền thống pháp luật và luật hình sự quốc tế về các tội XPTD.

Ba là, hệ thống hóa lịch sử phát triển các quy định PLHS Việt Nam về các tội XPTD từ thời phong kiến đến nay, sau đó đưa ra những nhận xét, so sánh, đánh giá.

Bốn là, phân tích thực tiễn dụng các quy định về các tội XPTD trong hoạt động xét xử của tòa án các cấp ở Việt Nam trong giai đoạn 10 năm (2006 -2015), đánh giá những tồn tại, hạn chế trong việc quy định và áp dụng TNHS, đồng thời chỉ ra những nguyên nhân của các hạn chế đó.

Năm là, định hướng và đề xuất, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện BLHS năm 2015, dưới dạng các kiến giải lập pháp tương ứng với các điều luật có liên quan, sau đó đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về các tội XPTD.

Kết luận chương 1

Hành vi XPTD là tội ác gây nhức nhối, bức xúc đối với toàn nhân loại. Trong thời kì hội nhập, toàn cầu hóa quốc tế, các tội XPTD diễn biến vô cùng phức tạp và có luôn chiều hướng gia tăng ở hầu hết các quốc gia. Do đó, những nghiên cứu liên quan đến các tội XPTD trong và ngoài nước đều xuất hiện rất sớm, rộng khắp trên toàn cầu. Các

nhà khoa học trong và ngoài nước đã tiếp cận các tội XPTD bằng nhiều phương pháp, trên nhiều bình diện, ở các mức độ khác nhau và đã giải quyết được những vấn đề chung về các tội XPTD.

Các công trình ở trong nước nghiên cứu về các tội XPTD còn tản mạn, giải quyết từng vấn đề nhỏ, từng tội cụ thể. Cho đến thời điểm hiện tại, chưa có công trình nào nghiên cứu toàn diện, có hệ thống về các tội XPTD dưới góc độ một luận án tiến sĩ luật học. Tương tự, nghiên cứu tình hình nghiên cứu ở nước ngoài cho thấy, có một số công trình đã nghiên cứu đề cập đến các tội XPTD một cách sâu sắc nhưng cách tiếp cận không hoàn toàn trên quan điểm duy vật biện chứng, đặc biệt không căn cứ vào cơ sở thực tiễn đấu tranh chống, xử lý tội phạm tình dục ở Việt Nam.

Hơn thế nữa, nhiều công trình nghiên cứu ở Việt Nam và nước ngoài được thực hiện từ khá lâu, chưa cập nhật yêu cầu cải cách tư pháp, chưa căn cứ vào thực tiễn phát triển kinh tế xã hội và đòi hỏi đấu tranh phòng ngừa xử lý tội phạm nói chung cũng như các tội XPTD nói riêng, trong giai đoạn hiện nay. Do đó, việc làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn về các tội XPTD là nhiệm vụ quan trọng và cấp thiết.

Các công trình nghiên cứu trên đây là những gợi mở quan trọng để NCS tiếp thu, sử dụng một cách hợp lý trong quá trình triển khai luận án.

Chương 2

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM TÌNH DỤC TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

(Từ trang 34 đến trang 83)

Những nghiên cứu về mặt lý luận đối với đề tài các tội XPTD trong luật hình sự Việt Nam ở Chương 2 của luận án đã làm sáng tỏ những nhận thức cơ bản về vấn đề như: khái niệm, đặc điểm, cơ sở quy định của các tội XPTD ...

2.1. Khái niệm, đặc điểm của các tội xâm phạm tình dục

2.1.1. Khái niệm tình dục và quyền tình dục

Dưới các góc độ tiếp cận khác nhau, có rất nhiều các quan niệm khác nhau tình dục. Tuy nhiên, qua nghiên cứu, NCS cho rằng: *Tình dục là hoạt động tự nhiên, mang tính bản năng và là nhu cầu cần thiết để mang lại hạnh phúc, duy trì nòi giống của con người đồng thời có quan hệ mật thiết với tình yêu. Tình dục không chỉ là giao cấu giữa người nam và người nữ mà là tất cả những gì mang lại khoái cảm cho con người, có thể bằng tay, chân, bằng miệng hoặc bằng dụng cụ chuyên biệt, ở vùng cơ quan sinh dục hay những bộ phận nhạy cảm khác trên cơ thể với một người (thủ dâm) hay nhiều người và có thể với người cùng giới hoặc người khác giới.*

Trên cơ sở tham khảo các quan điểm của các cá nhân, tổ chức về

quyền tình dục. TS. Nguyễn Công Giao cho rằng quyền tình dục “là khả năng của mọi cá nhân, theo một cách thức tự do và có trách nhiệm, được biểu lộ xu hướng, thực hành và hưởng thụ đời sống tình dục một mình hoặc với người khác mà không phải chịu bất kỳ sự cản trở, trừng phạt, lạm dụng, bóc lột hay phân biệt đối xử nào, miễn là không làm ảnh hưởng đến các quyền, tự do và lợi ích chính đáng”. NCS đồng tình với quan niệm trên về quyền tình dục. Mặc dù, quan niệm này chưa phản ánh cụ thể, chi tiết và đầy đủ hết các vấn đề liên quan đến tình dục như quan niệm quyền tình dục của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) hay nội hàm quyền tình dục đã được cụ thể hoá qua Tuyên ngôn toàn cầu về quyền tình dục nói trên, nhưng lại khá phù hợp với điều kiện nhận thức và phát triển xã hội cũng như quy định của luật thực định về vấn đề này ở Việt Nam.

2.1.2. Khái niệm các tội xâm phạm tình dục

Việc nghiên cứu khái niệm XPTD góp phần làm rõ bản chất, những vấn đề cơ bản, cốt lõi của nhóm tội này. Trên cơ sở đó, việc tìm hiểu dấu hiệu pháp lý, đặc trưng của từng tội cụ thể trong các tội XPTD sẽ dễ dàng và chính xác hơn. Do đó, việc cần thiết phải xây dựng một định nghĩa chuẩn xác, thống nhất, có thể xác định rõ nội hàm các tội XPTD có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Vì vậy, NCS xác định đây là nhiệm vụ đầu tiên luận án cần phải làm rõ.

Trên cơ sở quan niệm về tình dục và quyền tình dục, cùng với những nghiên cứu các quan điểm trong và ngoài nước về khái niệm các tội XPTD. NCS cho rằng: *Các tội xâm hại tình dục là những hành vi cưỡng ép quan hệ tình dục hoặc quan hệ tình dục xâm hại tới tính mạng, sức khỏe, danh dự nhân phẩm của con người, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý, trái pháp luật hình và phải chịu hình phạt tương xứng.*

2.1.3. Đặc điểm của các tội xâm phạm tình dục

Trên cơ sở khái niệm về các tội XPTD, có thể thấy các tội XPTD có những đặc điểm sau:

Thứ nhất, các tội XPTD là các hành vi cưỡng ép quan hệ tình dục hoặc quan hệ tình dục xâm phạm tới tính mạng, sức khỏe, danh dự nhân phẩm của con người, được quy định trong Bộ luật hình sự. Thứ hai, các tội XPTD đều được thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý. Thứ ba, chủ thể thực hiện các tội XPTD là những người đủ 14 tuổi trở lên, có năng lực trách nhiệm hình sự. Thứ tư, trách nhiệm hình sự, hình phạt đối với các tội XHTD cần nghiêm khắc nhưng lại phải mang tính đặc thù.

2.2. Cơ sở của việc quy định các tội xâm phạm tình dục

Trên cơ sở lý luận, thực tiễn gắn với điều kiện phát triển kinh tế, xã hội, việc xác định và quy định các tội XPTD là rất cần thiết, do mức độ ảnh hưởng và sự tác động của nhóm tội này đối với tình hình an ninh chính trị của địa phương cũng như cuộc sống của người dân; đồng thời, đáp ứng yêu cầu của công tác đấu tranh, phòng chống và xử lý nhóm tội này. Việc nắm bắt được đặc điểm, bản chất của nhóm tội này sẽ giúp các nhà làm luật đặt ra những quy định chuẩn xác và hiệu quả trên thực tế. Tuy nhiên, việc tiến hành cần dựa vào một số những căn cứ cụ thể sau:

2.2.1. Căn cứ vào yêu cầu bảo vệ quyền con người

Quyền con người được quy định trong Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền năm 1948. Với tinh thần đó, các quyền con người, trong đó có quyền tình dục được các quốc gia thành viên trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng quy định, cụ thể hóa vào hệ thống pháp luật của nước mình, đặc biệt trong BLHS. Theo đó, các hành vi xâm phạm tình dục bị coi là tội phạm đều bị xử lý, trừng trị nghiêm khắc. Quyền con người, quyền tự do tình dục chỉ trở thành quyền và được bảo vệ thực sự khi có sự thừa nhận của xã hội thông qua pháp luật, ngược lại, nếu chưa được pháp luật ghi nhận, cụ thể hóa thì quyền tự nhiên vốn có của con người chưa trở thành quyền lực thực sự, chưa được xã hội thừa nhận, phục tùng, đồng thời cũng không được tôn trọng, bảo vệ.

2.2.2. Căn cứ vào yêu cầu bảo đảm trật tự an toàn xã hội

Các tội XPTD có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội cao. Đặc biệt trong những năm gần đây, hành vi xâm hại ngày càng đa dạng, tinh vi xảo quyệt và diễn biến phức tạp. Chúng thường gây ra những hậu quả nặng nề cho các nạn nhân; đồng thời, tạo những ảnh hưởng tiêu cực cho gia đình của họ và cộng đồng xã hội. Điều đáng lo ngại, các tội XPTD ngày càng phổ biến. Chúng không chỉ xuất hiện ở mọi tỉnh thành trên cả nước và do các đối tượng khác nhau về độ tuổi, giới tính thực hiện. Điều đó cho thấy, các tội XPTD có tính chất nguy hiểm cao, hành vi nguy hiểm mang tính phổ biến, mức độ ảnh hưởng nghiêm trọng tới tình hình an ninh trật tự của các địa phương nói riêng và trên cả nước nói chung, do đó cần được xử lý nghiêm minh, triệt để bằng PLHS.

2.2.3. Căn cứ vào yêu cầu bảo vệ đạo đức và văn hóa xã hội

Các hành vi XHTD không chỉ gây mất an ninh trật tự xã hội mà còn là biểu hiện của sự suy đồi và xuống cấp đạo đức nghiêm trọng. Nó tác động lớn đến đạo đức xã hội, đến luân thường đạo lý, đến truyền thống văn hóa nhân văn lâu đời của người Việt Nam. Do đó, nó ảnh hưởng tới tâm lý cộng đồng, xã hội và tác động tiêu cực tới

sự phát triển lâu bền của đất nước. Người bị XHTD sẽ khó có điều kiện sức khỏe, công tác và học tập tốt để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Vì vậy, loại tội phạm này cần hạn chế và loại bỏ ra khỏi xã hội.

2.2.4. Căn cứ vào yêu cầu xử lý đấu tranh, phòng chống tội phạm

Việc quy định các tội XHTD trong BLHS Việt Nam nhằm góp phần bảo vệ quyền bất khả xâm phạm về con người nói chung trên cơ sở đó giúp cho các cơ quan tiến hành tố tụng xem xét tới hành vi, mức độ nguy hiểm của loại tội phạm này để đưa ra quyết định về mức độ pháp lý phù hợp. BLHS là nguồn quan trọng là nơi duy nhất xác định cấu thành của từng loại tội phạm cụ thể giúp các cơ quan chức năng, cơ quan có thẩm quyền có căn cứ xác thực để quá trình điều tra, truy tố, xét xử diễn ra công bằng khách quan, đúng người đúng tội, không bỏ lọt tội phạm. Trước tình hình xã hội phát triển như hiện nay kéo theo sự gia tăng của các loại tội phạm nói chung, các tội XPTD nói riêng, những bất cập trong quy định của BLHS năm 1999 là cơ sở thực tiễn quan trọng của việc sửa đổi toàn diện của BLHS và đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

2.2.5. Căn cứ vào yêu cầu hội nhập quốc tế

Với tư cách là thành viên của các Công ước quốc tế nhằm bảo vệ con người, nhất là trẻ em và phụ nữ trước sự XHTD. Như, Tuyên ngôn thế giới về quyền con người năm 1948, Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa và Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966, Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ năm 1979 (Công ước CEDEW), Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989 (Công ước QTE). Việt Nam đã triển khai, cụ thể hóa những quy định này vào hệ thống pháp luật Việt Nam, ngày càng đầy đủ và hoàn thiện. Tuy nhiên, một số vấn đề quan trọng liên quan đến quyền được bảo vệ khỏi tất cả các hình thức XHTD của trẻ em, phụ nữ nói riêng và con người nói chung mặc dù đã được PLHS quy định nhưng vẫn còn nhiều bất cập chưa đáp ứng được yêu cầu của các công ước quốc tế. Vì vậy, việc quy định các tội XHTD trong BLHS để hội nhập quốc tế là việc cần thiết để việc bảo vệ con người được toàn diện.

2.2.6. Căn cứ vào năng lực điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm tình dục

Việc điều tra, truy tố, xét xử các tội XPTD so với các loại tội phạm khác có sự khác biệt do đặc thù riêng về chứng cứ và quá trình chứng minh của loại tội phạm này Do nạn nhân bị XHTD có nguy cơ bị tổn thương kép rất cao, cùng một lúc họ phải chịu sự tổn thương do

người người phạm tội và tiến trình tố tụng chứng minh tội phạm tác động lên đối với họ. Trước các khó khăn mang tính đặc thù của nhóm tội phạm XHTD, việc quy định rõ ràng trách nhiệm hình sự và các tội XHTD là vô cùng cần thiết, nhất là những hành vi xâm hại đã xuất hiện, gây tác động xấu, nguy hiểm cho xã hội nhưng chưa được BLHS năm 1999 quy định. Đặc biệt là việc tuyên truyền và tạo cơ chế bảo vệ để nạn nhân và gia đình họ an tâm, tin tưởng vào pháp luật và nhà nước mà mạnh dạn đấu tranh, tố giác các hành vi xâm hại, góp phần và việc đấu tranh, phòng, chống các tội XPTD hiệu quả.

2.3. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của pháp luật hình sự Việt Nam về các tội xâm phạm tình dục

Thực tiễn và quá trình nghiên cứu đã chứng minh các tội XPTD không phải là hiện tượng mới trong lịch sử xã hội và pháp luật Việt Nam. Tuy nhiên, ở mỗi giai đoạn lịch sử, tương ứng với những điều kiện kinh tế, xã hội và ý thức hệ khác nhau nên các quy định về những tội phạm này cũng có những điểm khác biệt nhất định. Việc nghiên cứu những quy định về các tội XPTD hết sức cần thiết. Bởi, nó không chỉ làm rõ quá trình phát triển của PLHS Việt Nam mà còn trên cơ sở kết quả nghiên cứu đó rút ra bài học, kinh nghiệm để hoàn thiện quy định pháp luật hiện hành đối với loại tội này.

2.3.1. Giai đoạn trước Cách mạng tháng Tám năm 1945

Trải qua một quá trình lập pháp lâu dài, bền bỉ, Việt Nam đã có một hệ thống pháp luật nói chung và PLHS nói riêng phát triển, tương đối hoàn thiện. Thời phong kiến, quy định về các tội XPTD phải kể đến bộ Quốc triều hình luật thời Lê và bộ Hoàng Việt luật lệ thời Nguyễn. Hai bộ luật này mặc dù ra đời trong các triều đại phong kiến Việt Nam nhưng nhiều quy định vẫn còn nguyên giá trị lập pháp để các bộ luật hình sự sau này rút kinh nghiệm, tiếp thu và phát triển.

2.3.2. Giai đoạn từ Cách mạng tháng Tám 1945 đến trước năm 1985

Nhìn chung, quy định về các tội XPTD trong giai đoạn này được quy định rải rác trong một số văn bản pháp luật cũng như việc xác định hành vi nào là hành vi XPTD cũng đã được quy định rõ ràng hơn so với thời kỳ phong kiến. Tuy nhiên, việc quy định này còn mang tính rời rạc, chưa tập trung, thống nhất tại một văn bản và đảm bảo về mặt hiệu lực pháp lý; việc xét xử còn dựa theo nguyên tắc tương tự nên không tránh khỏi tồn tại, sự tùy tiện trong việc áp dụng pháp luật. Do đó, nhu cầu cần có văn bản quy phạm pháp luật hoàn chỉnh quy định về tội phạm nói chung và các tội XPTD nói riêng là một tất yếu.

2.3.3. Giai đoạn từ năm 1985 đến khi Bộ luật hình sự năm 2015 được Quốc hội thông qua

Giai đoạn này là giai đoạn các quy định về các tội XPTD phát triển mạnh mẽ. Bởi, chúng được quy định trong các BLHS Việt Nam gắn liền với những điều kiện phát triển kinh tế xã hội nhất định. Từ BLHS đầu tiên là BLHS năm 1985, sau đó được thay thế bằng BLHS năm 1999 và tiếp tục được hoàn thiện trong BLHS năm 2015 đã được Quốc hội thông qua. Qua đó cho thấy, quy định của PLHS về các tội XPTD ngày càng được hoàn thiện qua các lần pháp điển hóa, thể hiện ở nhiều phương diện. Những quy định này, đã tạo cơ sở vững chắc cho công tác đấu tranh phòng chống các hành vi XPTD, góp phần hình thành cơ chế hữu hiệu để bảo vệ quyền bất khả xâm phạm tự do về tình dục mà rộng hơn là nhân phẩm, danh dự của con người.

2.4. Quy định của Bộ luật hình sự một số nước trên thế giới về các tội xâm hại tình dục và so sánh với Bộ luật hình sự năm 1999

2.4.1. Quy định về các tội xâm phạm tình dục trong Bộ luật hình sự Liên bang Nga và so sánh với Bộ luật hình sự năm 1999

Sau khi nghiên cứu, tìm hiểu các quy định trong BLHS Liên bang Nga về các tội XPTD và đối chiếu, so sánh với BLHS năm 1999 của Việt Nam, nhận thấy, các quy định về nhóm tội này của BLHS Liên Bang Nga đã góp phần quan trọng trong việc đấu tranh phòng chống tội phạm và ảnh hưởng khá lớn đến tư duy lập pháp của BLHS Việt Nam. Cụ thể: về cơ bản các tội XPTD của BLHS Liên Bang Nga cũng được quy định trong BLHS Việt Nam hiện hành, chỉ khác nhau về chi tiết thuật ngữ và tên gọi; BLHS năm 1999 quy định dấu hiệu khách quan của tội hiếp dâm đầy đủ và toàn diện hơn; phân hóa TNHS đối với các hành vi XHTD cụ thể, chi tiết hơn, đặc biệt với đối tượng trẻ em, tuy nhiên lại chưa quy định hành vi quan hệ tình dục khác và vấn đề đồng tính nam, đồng tính nữ như BLHS Liên bang Nga nên thực tế vẫn không xử lý triệt để những đối tượng này khi họ có hành vi XHTD.

2.4.2. Quy định về các tội xâm phạm tình dục trong Bộ luật hình sự nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và so sánh với Bộ luật hình sự năm 1999

Qua nghiên cứu quy định về các tội XPTD của BLHS Trung Hoa, nhận thấy: mặc dù không đặt tội danh cụ thể như BLHS năm 1999 nhưng quy định về các tội XPTD của BLHS Trung Hoa ngắn gọn, súc tích nhưng vẫn thể hiện được rõ các hành vi phạm tội, việc vận dụng chính xác quy định vào thực tế; BLHS Trung Hoa thừa nhận chủ thể của

nhóm tội này gồm cả nam và nữ; BLHS Trung Hoa quy định tình tiết: hiếp dâm, cưỡng dâm ở nơi công cộng hoặc trước mặt người khác là tình tiết tăng nặng, trong khi BLHS Việt Nam không quy định tình tiết này; đường lối xử lý đối với các tội XPTD của hai nước đều rất nghiêm khắc, nhất là những hành vi phạm tội đối với trẻ em, tuy nhiên BLHS Trung Hoa chỉ quy định hình phạt chính mà không quy định hình phạt bổ sung đối với nhóm tội này như BLHS năm 1999.

2.4.3. Quy định về các tội xâm phạm tình dục trong Bộ luật hình sự Canada và so sánh với Bộ luật hình sự năm 1999

Căn cứ vào quy định các tội phạm về tình dục trong BLHS Canada và đối chiếu với quy định trong BLHS Việt Nam hiện hành, rút ra một số nhận xét sau: BLHS của cả hai nước quy định tương đối khác nhau về tên tội danh và hành vi khách quan của tội phạm; hầu hết các tội XPTD trong BLHS năm 1999 đều quy định một trong những hành vi khách quan là hành vi giao cấu thì các tội XPTD trong BLHS Canada cơ bản được quy định theo hướng rộng hơn, ngoài hành vi giao cấu thì những hành vi tiếp xúc cơ thể khác nhằm mục đích tình dục cũng là XPTD; hành vi khách quan của các tội XPTD của BLHS Canada rộng hơn BLHS năm 1999. Cụ thể, BLHS Canada quy định hành vi giao cấu qua đường hậu môn hoặc ghi hình lên cũng là những hành vi XPTD. Quy định này của BLHS Canada thể hiện sự tiến bộ và phù hợp với tình hình diễn biến tội phạm phức tạp, đa dạng về hành vi và thủ đoạn của tội phạm XPTD hiện nay mà Việt Nam cần tham khảo và tiếp thu.

2.4.4. Quy định về các tội xâm phạm tình dục trong Bộ luật hình sự Thụy Điển và so sánh với Bộ luật hình sự năm 1999

Qua nghiên cứu, phân tích và so sánh quy định của BLHS Thụy Điển và BLHS năm 1999, rút ra nhận xét sau: để bảo vệ con người trước sự XPTD, BLHS Thụy Điển đã quy định nhiều hành vi với những CTTT khác nhau, trong đó có hành vi được thực hiện với sự miễn cưỡng của nạn nhân, có hành vi phạm tội được thực hiện hoàn toàn trái ý muốn của nạn nhân... nhưng mục đích cuối cùng của việc quy định những hành vi phạm tội về tình dục là nhằm bảo vệ con người, trừng trị, giáo dục người phạm tội và phòng ngừa tội phạm mới; BLHS Thụy Điển quy định về hành vi khách quan của nhóm tội này rộng hơn BLHS năm 1999; đồng thời mở rộng tội danh của nhóm tội XPTD như tội quấy rối tình dục, tội bóc lột tình dục trẻ em. Những quy định này tiến bộ, phù hợp với xu thế phát triển chung nên rất cần thiết để Việt Nam tham khảo và tiếp thu có chọn lọc.

Kết luận chương 2

Qua nghiên cứu nội dung Chương 2 luận án, xin rút ra một số kết

luận chung như sau:

1. Qua việc nghiên cứu, tiếp thu, tham khảo các quan điểm, NCS khái quát và đưa ra quan điểm về các khái niệm như khái niệm tình dục, quyền tình dục và các tội XPTD

2. Trên cơ sở khái niệm về các tội XPTD, chỉ ra các đặc điểm của các tội XPTD. Đồng thời, việc quy định các tội XPTD trong luật Hình sự Việt Nam ngoài việc dựa trên các cơ sở về kinh tế - xã hội, lý luận và thực tiễn, còn căn cứ vào yêu cầu bảo vệ quyền con người, yêu cầu bảo đảm trật tự an toàn xã hội, yêu cầu bảo vệ đạo đức và văn hóa xã hội, yêu cầu xử lý đấu tranh, phòng chống tội phạm, yêu cầu hội nhập quốc tế và năng lực điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm tình dục

3. Hệ thống hóa quá trình phát triển các quy định về các tội XPTD từ trước Cách mạng Tháng tám cho đến khi BLHS năm 2015 được thông qua là điều hết sức cần thiết. Bởi, nó không chỉ làm rõ quá trình phát triển của PLHS Việt Nam mà còn trên cơ sở kết quả nghiên cứu đó rút ra bài học, kinh nghiệm để hoàn thiện quy định pháp luật hiện hành đối với các tội phạm này.

4. Nghiên cứu, so sánh quy định các tội XPTD trong BLHS năm 1999 và BLHS một số nước trên thế giới như BLHS của các nước Liên bang Nga, Trung Hoa, Thụy Điển và Canada là việc làm cần thiết, cũng là cơ sở pháp lý cho việc hoàn thiện BLHS Việt Nam về nhóm tội này.

Chương 3

CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999 VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM TÌNH DỤC VÀ THỰC TIỄN XÉT XỬ (Từ trang 84 đến trang 124)

3.1. Quy định Bộ luật hình sự năm 1999 về các tội xâm phạm tình dục

3.1.1. Những dấu hiệu pháp lý hình sự

Khi xem xét dấu hiệu pháp lý của một nhóm tội phạm, cần xem xét các dấu hiệu thuộc bốn yếu tố CTTTP. Cũng giống như các tội phạm khác, các tội XPTD được cấu thành bởi bốn yếu tố: khách thể của tội phạm, mặt khách quan của tội phạm, chủ thể của tội phạm và mặt chủ quan của tội phạm.

3.1.2. Hình phạt và các biện pháp tư pháp

Các tội XPTD là những tội phạm mang tính nguy hiểm cao cho xã hội. Vì vậy, mức hình phạt được quy định đối với các tội này cũng thể hiện tính nghiêm khắc, nhất là các tội phạm XPTD trẻ em. Trong BLHS năm 1999, hình phạt tử hình được quy định duy nhất trong một tội danh là tội hiếp dâm trẻ em (khoản 3, khoản 4 Điều 112); hình phạt tù chung thân

được quy định trong ba trên sáu tội danh là tội hiếp dâm (khoản 3 Điều 111), tội hiếp dâm trẻ em (khoản 3, khoản 4 Điều 112) và tội cưỡng dâm trẻ em (khoản 3 Điều 114). Bên cạnh hình phạt chính, người phạm các tội XPTD còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung và các biện pháp tư pháp.

3.2. Thực tiễn xét xử các tội xâm phạm tình dục ở nước ta hiện nay

Qua số liệu thống kê của TANDTC, nhận thấy, trong giai đoạn 10 năm (2006 -2015), số vụ án và số bị cáo phạm tội XPTD diễn biến khá phức tạp và có xu hướng gia tăng. Trên phạm vi cả nước xảy ra 15.446 vụ XPTD với 17.891 bị cáo. Hầu như số vụ năm sau đều tăng so với năm trước. Trung bình mỗi năm xảy ra 1.544 vụ, chiếm 2,22% số vụ phạm tội nói chung. Số liệu thống kê trên cho thấy án các tội XPTD từ năm 2006 đến 2009 khá ổn định, mỗi năm xét xử sơ thẩm trung bình 1.348 vụ. Nhưng đến năm 2010 lại giảm nhẹ chỉ còn 1.287 vụ, sau đó lại tiếp tục tăng tăng dần và nhảy vọt lên đến 2.098 vụ XPTD đã đưa ra xét xử vào năm 2014. Trong đó, tội hiếp dâm trẻ em xảy ra chiếm tỷ lệ lớn nhất với 5.656 vụ trên tổng số 15.446 vụ, tương ứng với 36,62% tổng số các vụ về các tội XPTD. Điều này có nghĩa, trung bình một năm Tòa án đã xét xử hơn 565 vụ hiếp dâm trẻ em. Các bị cáo đã được đưa ra xét xử sơ thẩm trong các vụ án XPTD khá ổn định từ năm 2006 đến 2011, sau đó tăng cao ở những năm 2012, 2013 và 2014. Trong đó, năm 2010 là năm có số bị cáo ít nhất (1.551 bị cáo), còn năm 2014 là năm có số bị cáo nhiều nhất (2.381 bị cáo).

3.3. Thực tiễn áp dụng trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm hại tình dục

Thông qua phân tích thực tiễn áp dụng hình phạt đối với các tội XPTD từ năm 2006 đến 2015 (10 năm), rút ra những nhận xét sau đây: thực tiễn xét xử các tội XPTD chưa phản ánh hết tính chất và mức độ nghiêm trọng của loại tội phạm này. Hình phạt áp dụng chủ yếu là tù có thời hạn nhưng số lượng, các hình phạt tiền, cải tạo không giam giữ còn ít được áp dụng đối với nhóm tội phạm này; xuất hiện các bị cáo là người nước ngoài phạm tội XPTD và bị áp dụng hình phạt trục xuất với tư cách vừa là hình phạt chính và hình phạt bổ sung (mặc dù chỉ có duy nhất một vụ áp dụng hình phạt trục xuất là hình phạt bổ sung); thực tiễn cũng phản ánh rằng, việc áp dụng các hình phạt bổ sung, biện pháp tư pháp với mục đích phòng ngừa tội phạm, hỗ trợ, củng cố và tăng cường kết quả của hình phạt chính, trừng trị, cải tạo và giáo dục đối với người bị kết án vẫn chưa được chú trọng nhiều, tỷ lệ áp dụng còn rất hạn chế; số lượng các bị cáo phạm các tội XPTD được Tòa án áp

dụng miễn TNHS và miễn hình phạt rất ít, chỉ có 3 trên tổng số 17.891 bị cáo, chiếm tỷ lệ rất nhỏ (0,02%);

3.4. Những bất cập, tồn tại và một số nguyên nhân cơ bản

3.4.1. Những tồn tại, bất cập trong quy định của Bộ luật hình sự năm 1999

Trong quá trình nghiên cứu về các tội XPTD, nhận thấy quy định của BLHS năm 1999 về nhóm tội này có những bất cập, hạn chế, vướng mắc sau:

Về quy định dấu hiệu pháp lý, các quy định về độ tuổi nạn nhân, nội hàm khái niệm giao cấu, giới tính của chủ thể tội phạm và nạn nhân, dấu hiệu định tội của tội hiếp dâm trẻ em, tội cưỡng dâm trẻ em, mô tả thái độ của nạn nhân và nội hàm của hành vi dâm ô vẫn còn chưa rõ ràng, có những điểm lạc hậu, bất cập, không còn phù hợp gây khó khăn vướng mắc trong quá trình áp dụng.

Về quy định hình phạt đối với các tội XPTD trong BLHS năm 1999 vẫn còn những hạn chế bất cập như: việc bỏ hình phạt tử hình trong tội hiếp dâm là không hợp lý; việc sử dụng thuật ngữ “có tính chất loạn luân” trong các khung tăng nặng từ điều 111 đến điều 115 là chưa chuẩn xác; BLHS năm 1999 cần quy định chi tiết hơn đối với tình tiết “biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn phạm tội” trong các khung tăng nặng từ điều 111 đến điều 115.

3.4.2. Những tồn tại, bất cập trong thực tiễn xét xử

Bên cạnh, những tồn tại, bất cập trong quy định của BLHS năm 1999 về các tội XPTD, thực tiễn xét xử về các tội này cũng gặp phải một số vướng mắc nhất định gây tranh luận và khó khăn trong quá trình xét xử như: Việc xem xét các dấu hiệu định tội của cơ quan áp dụng pháp luật chưa được thống nhất dẫn đến việc áp dụng tội danh và TNHS không giống nhau đối với cùng hành vi phạm tội; PLHS chưa quy định, hướng dẫn cụ thể trong một số trường hợp gây khó khăn cho việc áp dụng, xét xử; Việc đánh giá các tình tiết định khung cũng như các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ giữa các cơ quan áp dụng pháp luật chưa có sự thống nhất nên dẫn đến việc áp dụng hình phạt cũng có sự khác nhau; Xuất hiện các hành vi XHTD với nhiều tình tiết mới, phức tạp như hành vi nữ “chủ động” giao cấu trái ý muốn với nam; hành vi dùng vũ lực hay các thủ đoạn khác để thực hiện hành vi quan hệ tình dục với người đồng giới, hành vi quan hệ tình dục giữa người cùng giới tính giữa người đã thành niên với trẻ em hay hành vi quấy rối tình dục, khiêu dâm trẻ em...nhưng pháp luật lại chưa có quy định để điều chỉnh các hành vi này

3.4.3. Một số nguyên nhân cơ bản

Sở dĩ có những tồn tại, bất cập, vướng mắc trên gây khó khăn, không thống nhất trong việc áp dụng pháp luật là do một số nguyên nhân cơ bản như: Nguyên nhân liên quan đến quy định của pháp luật; Nguyên nhân liên quan đến việc áp dụng quy định của pháp luật.

Ngoài ra còn do một số nguyên nhân khác như, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp của một số cán bộ làm trong các cơ quan tiến hành tố tụng chưa đồng đều, còn hạn chế; công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho các cán bộ tiến hành tố tụng chưa được đầu tư và quan tâm đúng mức; công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về các tội XPTD còn chưa tốt; điều kiện cơ sở vật chất của các cơ quan tiến hành tố tụng chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

Chương 4

ĐỊNH HƯỚNG TIẾP TỤC HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015 VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM TÌNH DỤC VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG

(Từ trang 124 đến trang 156)

Dựa trên các kết quả nghiên cứu của các chương trước, Chương 4 của luận án xác định những yêu cầu, nội dung và kiến giải lập pháp hoàn thiện các quy định về các tội XPTD trong BLHS năm 2015, đồng thời đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng những quy định này trong thực tiễn.

4.1. Định hướng tiếp tục hoàn thiện quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 về các tội xâm phạm tình dục

Mặc dù, BLHS năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung về các tội XPTD, khắc phục được rất nhiều hạn chế, bất cập và thiếu sót về quy định đối với các tội này. Tuy nhiên, với những bất cập, tồn tại đã nêu ở trong luận án, NCS cho rằng việc đề xuất tiếp tục hoàn thiện quy định của BLHS Việt Nam về các tội XPTD là hết sức cần thiết. Cơ sở hoàn thiện quy định của BLHS Việt Nam về các tội XPTD là những căn cứ khoa học, thực tiễn có tính nền tảng. Trên cơ sở những căn cứ đó các cơ quan lập pháp sẽ nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung quy định về các tội XPTD sao cho phù hợp nhất. Cụ thể:

4.1.1. Chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước

Căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ trọng tâm của từng thời kỳ, Đảng và Nhà nước sẽ ban hành các chủ trương, chính sách cụ thể thông qua các Nghị quyết nhằm triển khai công tác phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm. Trên cơ sở đó, PLHS sẽ cụ thể hóa, hiện thực hóa và bảo đảm

cho chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước được triển khai, thi hành và áp dụng.

4.1.2. Tình hình các tội xâm phạm tình dục và thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm này

Sau khi Việt Nam chuyển đổi nền kinh tế bao cấp sang nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước, tình hình, diễn biến tội phạm nói chung, tội phạm tình dục nói riêng trở lên phức tạp, biến đổi cả về lượng lẫn chất, gây ảnh hưởng xấu cho xã hội. Tình hình tội phạm là căn cứ thực tiễn quan trọng trong mọi thời kì của chính sách hình sự. Nhận thức rõ điều này, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, biện pháp tăng cường quản lý nhà nước thông qua việc kiện toàn bộ máy nhà nước và hệ thống pháp luật, trong đó có BLHS. Việc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy định của BLHS nói chung và các tội XPTD nói riêng phải được dựa trên kết quả tổng kết thực tiễn thi hành BLHS. Kết quả của công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm là sự thật khách quan, minh chứng cho sự đúng đắn, phù hợp các quy định XPTD trong thực tiễn.

4.1.3. Tình hình phát triển các mặt của đời sống kinh tế - xã hội và pháp luật

Trong những năm qua, đời sống kinh tế - xã hội của nước ta có nhiều thay đổi về mọi mặt, đòi hỏi PLHS nói chung, các tội XPTD nói riêng cần có những điều chỉnh kịp thời, phù hợp và chính xác hơn. Bên cạnh đó, trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, nền tảng pháp luật và hệ thống pháp luật đã có sự thay đổi. Đặc biệt, với sự ra đời của Hiến pháp năm 2013, văn kiện pháp lý mang tính nền tảng vững chắc và có giá trị cao nhất, chi phối toàn bộ hệ thống pháp luật Việt Nam thì yêu cầu sửa đổi một cách căn bản và toàn diện BLHS nói chung và các tội XPTD nói riêng là điều tất yếu.

4.1.4. Quá trình hội nhập quốc tế và học hỏi kinh nghiệm của các nước khác

Trong quá trình hội nhập quốc tế, Việt Nam đã trở thành thành viên của 63 tổ chức quốc tế, có quan hệ với hơn 500 tổ chức phi chính phủ trên thế giới và kí kết nhiều Công ước quốc tế đa phương và song phương, nhiều hiệp định tương trợ tư pháp hình sự. Việc tham gia, kí kết này là cơ hội để Việt Nam tham khảo, học hỏi kinh nghiệm và kế thừa những quy định hợp lý, tiến bộ của các nước đi trước một cách có chọn lọc, không máy móc rập khuôn khi nghiên cứu hoàn thiện các quy định của BLHS nói chung và các tội XPTD nói riêng.

4.2. Nội dung tiếp tục hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 về các tội xâm phạm tình dục

4.2.1. Nhận xét, đánh giá các quy định về các tội xâm phạm tình dục trong Bộ luật hình sự năm 2015

Bộ luật hình sự năm 2015 đã kế thừa và có nhiều điểm mới tiến bộ hơn trong việc quy định các tội XPTD so với BLHS năm 1999. Cụ thể như sau: độ tuổi nạn nhân được cụ thể hóa ngay từ tên tội danh; mở rộng nội hàm khái niệm “giao cấu” trong các tội XPTD; mở rộng chủ thể và nạn nhân của tội phạm; một số khái niệm đã được cụ thể hóa; nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự trong các tội XPTD; về khung hình phạt và hình phạt bổ sung; bổ sung tội mới là tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm.

Bộ luật hình sự năm 2015 đã khắc phục được khá nhiều hạn chế, thiếu sót quy định về các tội XPTD của BLHS năm 1999. Tuy nhiên, nghiên cứu các quy định về các tội XPTD trong BLHS năm 2015, NCS nhận thấy còn một số điểm vẫn chưa giải quyết triệt để và toàn diện yêu cầu của thực tiễn và cần tiếp tục hoàn thiện, như: kết cấu của BLHS năm 2015 đối với các tội XPTD; nội dung điều luật chưa làm rõ được một số vấn đề như khái niệm giao cấu, hành vi qan hệ tình dục khác, chủ thể tội phạm, đối tượng tác động của tội phạm ...

4.2.2. Nội dung tiếp tục sửa đổi, bổ sung cụ thể

Trên cơ sở những nhận xét trên đây, dưới góc độ nhận thức khoa học về mặt lý luận và thực tiễn thì chế định về các tội XPTD trong BLHS năm 2015 cần tiếp tục hoàn thiện nhằm đáp ứng các yêu cầu sau:

Thứ nhất, cần xây dựng các mục độc lập tương ứng với các nội dung quy định, trong đó có nội dung quy định về các tội XPTD trong Chương XIV. Các tội xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người;

Thứ hai, cần điều chỉnh, bổ sung, thay đổi mức hình phạt, khung hình phạt và quy định, sử dụng các thuật ngữ ở các tình tiết định khung tăng nặng ở một số tội rõ ràng, cụ thể hơn;

Thứ ba, cần bổ sung thêm một số điều luật quy định về các hành vi XPTD đã diễn ra trên thực tế nhưng chưa được BLHS năm 2015 quy định;

Thứ tư, trong quá trình xây dựng pháp luật cần kế thừa và phát huy những kinh nghiệm lập pháp tiến bộ, phù hợp của một số quốc gia trên thế giới mà NCS đã phân tích và chỉ rõ ở Chương 2 của luận án.

Bên cạnh việc xây dựng các kiến giải lập pháp sửa đổi các quy định về các tội XPTD, để BLHS năm 2015 được áp dụng hiệu quả, thống nhất trong thực tiễn, các cơ quan có thẩm quyền cũng cần nhanh chóng ban hành các văn bản giải thích hướng dẫn luật.

4.3. Những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 về các tội xâm phạm tình dục

Bên cạnh việc tiếp tục hoàn thiện BLHS năm 2015, để nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của BLHS năm 2015 về các tội XPTD, cần thực hiện đồng bộ những giải pháp sau đây:

4.3.1. Nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp cho những người tiến hành tố tụng và hiệu quả hoạt động áp dụng những quy định của BLHS năm 2015 về các tội xâm phạm tình dục của các cơ quan tiến hành tố tụng.

- Nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp cho những người tiến hành tố tụng

- Nâng cao hiệu quả hoạt động áp dụng những quy định của BLHS năm 2015 về các tội XPTD của các cơ quan tiến hành tố tụng.

4.3.2. Tăng cường công tác hướng dẫn, giải thích các quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 trong tương quan với các văn bản pháp luật khác về hành vi xâm hại tình dục

Có thể nói, công tác giải thích, hướng dẫn các quy định của BLHS về các tội XPTD chưa được quan tâm, chú trọng đúng mức trong thời gian qua. Nhất là ở thời điểm hiện nay, khi BLHS năm 2015 mới được thông qua và chưa có hiệu lực chính thức nên chưa có văn bản nào giải thích, hướng dẫn những khái niệm, quy định chưa rõ ràng, dễ tạo thành nhiều cách hiểu không thống nhất. Do đó, để nâng cao hiệu quả áp dụng và yêu cầu đấu tranh, phòng chống loại tội phạm này, các cơ quan có thẩm quyền cần sớm ban hành các văn bản hướng dẫn, giải thích pháp luật để các quy định về các tội XPTD của BLHS năm 2015.

4.3.3. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về các tội xâm phạm tình dục

Việt Nam đang trong quá trình xây dựng Nhà nước Pháp quyền, mọi lĩnh vực trong đời sống đều được nhà nước quản lý bằng pháp luật. Do đó, trách nhiệm của mỗi công dân đều phải tôn trọng và thực hiện pháp luật một cách nghiêm minh, đúng đắn. Một nguyên nhân không nhỏ làm các tội XPTD gia tăng nhanh chóng là do người phạm tội không hiểu biết pháp luật hoặc hiểu biết pháp luật không đầy đủ, chính xác. Vì vậy, cần tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về các tội XPTD.

4.3.4. Tăng cường hợp tác quốc tế và trao đổi kinh nghiệm lập pháp về các tội phạm xâm phạm tình dục

Trong quá trình vận động, phát triển và hội nhập, Việt Nam luôn tích cực chủ động tham gia giao lưu, hợp tác với các nước trong khu vực

và quốc tế trên nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực tư pháp hình sự. Sự giao lưu, hợp tác quốc tế này giúp Việt Nam tiếp cận, học hỏi kinh nghiệm lập pháp trong lĩnh vực tư pháp hình sự nói chung và các tội XPTD nói riêng. Tuy nhiên, việc tham khảo, học hỏi phải linh hoạt, sáng tạo không máy móc, dập khuôn, đảm bảo tính khoa học và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, việc tiếp thu cũng cần có sự đánh giá toàn diện, có chọn lọc và thực hiện theo các bước cần trọng, có giai đoạn thử nghiệm, khảo sát xin ý kiến nhân dân và chuyên gia, đánh giá các tác động của việc áp dụng quy định.

Kết luận chương 4

Việc tiếp tục sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các quy định của BLHS năm 2015 về các tội XPTD hết sức cần thiết và cần sự quan tâm đúng mức của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn hiện nay. Thông qua nghiên cứu nội dung chương 4, nhận thấy:

Thứ nhất, trên cơ sở phân tích lý luận tại chương 2 và thực tiễn áp dụng các quy định về TNHS đối với các tội XPTD trong xét xử tại Chương 3 trong giai đoạn 10 năm (2006 - 2015), bên cạnh những kết quả đáng ghi nhận thì các quy định về các tội XPTD vẫn còn những bất cập, vướng mắc, gây giảm hiệu quả trong công tác ngăn ngừa, đấu tranh phòng, chống các tội phạm này. Do đó, cần phải tiếp tục hoàn thiện và tháo gỡ những vướng mắc còn tồn tại.

Thứ hai, mặc dù BLHS năm 2015 đã có những điểm mới tiến bộ, khắc phục được phần nào những hạn chế của BLHS năm 1999, tuy nhiên, trước yêu cầu mới và để đáp ứng công tác đấu tranh phòng chống tội phạm được hiệu quả hơn, việc tiếp tục luận giải, đề xuất kiến nghị, kiến giải lập pháp đối với các tội XPTD là điều hết sức cần thiết và phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước.

Thứ ba, việc tiếp tục hoàn thiện quy định của BLHS năm 2015 cần được tiến hành đồng bộ cùng với một số giải pháp để đảm bảo nâng cao hiệu quả của công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu luận án tiến sĩ luật học “*Các tội xâm phạm tình dục trong luật hình sự Việt Nam*” cho phép đưa ra một số kết luận khoa học sau:

1. Tình dục là một trong các nhu cầu căn bản của con người trong quá trình tồn tại và phát triển. Vì vậy, quyền bất khả xâm phạm về tình dục là một quyền căn bản của con người cần được bảo vệ. Các tội XPTD

xuất hiện rất sớm. Nghiên cứu về các tội XPTD có rất nhiều các công trình khoa học trong và ngoài nước, dưới nhiều góc độ tiếp cận và quy mô nghiên cứu khác nhau. Tuy nhiên, xã hội ngày càng phát triển khiến các hành vi, thủ đoạn phạm tội XPTD cũng “thiên biến vạn hóa”. Hơn thế nữa, cho đến nay vẫn chưa có một công trình nào nghiên cứu về nhóm tội này theo quy định của luật hình sự Việt Nam một cách hệ thống, khoa học nên vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau chưa thống nhất và cần tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện. Do đó, nghiên cứu về các tội XPTD trong luật hình sự Việt Nam có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn, không chỉ góp phần vào việc giải thích, hướng dẫn tạo sự hiểu thống nhất về các quy định pháp luật về các tội này mà còn có ý nghĩa góp phần tiếp tục hoàn thiện quy định các tội phạm này trong thời gian tới

2. Nghiên cứu về lịch sử luật hình sự Việt Nam từ thời phong kiến cho đến nay cho thấy, các tội XPTD gắn liền với đời sống của con người nên được quan tâm, quy định rất sớm. Tuy nhiên, ở mỗi giai đoạn lịch sử khác nhau, các quy định này cũng mang tính đặc trưng riêng, nhưng tựu chung thì giai đoạn sau thường tiến bộ, phát triển hơn giai đoạn trước. Mặc dù vậy, sau ba lần pháp điển hóa gần nhất, BLHS vẫn bộc lộ hạn chế nhất định gây khó khăn cho quá trình áp dụng

3. Thực tiễn áp dụng các quy định về các tội XPTD trong BLHS những năm qua đã đạt được một số kết quả quan trọng. Các cơ quan tiến hành tố tụng đã phát hiện và xử lý kịp thời những hành vi phạm tội, xét xử cơ bản đúng người đúng tội, đúng pháp luật, có tác dụng răn đe, giáo dục tới đông đảo quần chúng nhân dân. Tuy nhiên, từ thực tiễn áp dụng các quy định của BLHS năm 1999 đã bộc lộ nhiều bất cập, tồn tại khiến quá trình áp dụng, xét xử còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc làm giảm hiệu quả của công tác đấu tranh phòng, chống các tội XPTD yêu cầu các nhà lập pháp cần nghiên cứu để hoàn thiện chế định này.

4. Phân tích về BLHS năm 2015, NCS luận án đã phân tích một số điểm tiến bộ và còn hạn chế, thiếu sót trong quy định và kỹ thuật lập pháp về các tội XPTD, đồng thời đưa ra các kiến nghị và đề xuất một số kiến giải lập pháp.

Bên cạnh đó, để nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của BLHS năm 1999 về các tội XPTD, luận án còn đề xuất một số giải pháp như: Nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp cho những người tiến hành tố tụng và hiệu quả hoạt động áp dụng những quy định của BLHS năm 2015 về các tội XPTD của các cơ quan tiến hành tố tụng; Tăng cường công tác hướng dẫn, giải thích các quy định của BLHS năm 2015 trong tương quan với các văn bản pháp luật khác về hành vi

XPTD; Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về các tội XPTD; Tăng cường hợp tác quốc tế và trao đổi kinh nghiệm lập pháp về các tội XPTD.